

Số:318 /TB-SYT

Hải Phòng, ngày 31 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc công bố Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về Tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Công văn số 376/K2ĐT-ĐH ngày 26/4/2018 của Cục Khoa học công nghệ và Đạo, Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố tại Bản Công bố số 1302/KSBT-KHNV ngày 20/8/2025 và đối chiếu với các quy định tại Khoản 1 Điều 8, Điều 9 và Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ, Sở Y tế thông báo về việc Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe trên địa bàn thành phố Hải Phòng như sau:

1. Tên cơ sở được công bố: **TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ**

2. Số giấy phép hoạt động: được quy định theo Quyết định 79/2025/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng.

3. Địa chỉ: Số 84 Nguyễn Tất Tố, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

4. Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKII. Đồng Trung Kiên.

5. Điện thoại liên hệ: 0987046688 Email: dtk.skmt@gmail.com

6. Đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành: Theo danh mục tại Phụ lục 1.

7. Tên môn thực hành, nội dung thực hành, số lượng người thực hành có thể nhận được công bố chi tiết: Theo danh mục tại Phụ lục 1.

8. Trách nhiệm của cơ sở thực hành:

a) Cơ sở thực hành chỉ được ký hợp đồng đào tạo thực hành sau khi được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế và tổ chức triển khai hoạt động đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành đã công bố;

b) Bảo đảm các yêu cầu của cơ sở thực hành theo quy định của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ;

c) Phối hợp với cơ sở giáo dục đảm bảo chất lượng đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành;

d) Xác nhận kết quả thực hành của người học thực hành;

e) Thường xuyên cập nhật trên trang thông tin điện tử của cơ sở: danh sách người giảng dạy thực hành, số lượng, loại hình, ngành, chuyên ngành, trình độ đào tạo thực hành, số lượng tối đa người học thực hành có thể nhận, số lượng người học thực hành đang thực hành tại cơ sở.

(Đính kèm hồ sơ đề nghị Công bố của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố)

Sở Y tế trân trọng thông báo đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Cục KHCN và ĐT, Bộ Y tế;
- GD và PGD SYT;
- Các đơn vị trực thuộc SYT;
- Các Phòng thuộc SYT;
- Cổng TTĐT SYT;
- Lưu: VT, TCHC (L.D.H-05b).



GIÁM ĐỐC

Lê Minh Quang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH
Số : 806 /HĐNT-TTKSBTHP

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Hôm nay, ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hải Phòng, chúng tôi gồm:

BÊN A: TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 21 Lê Đại Hành, Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: 02253.603.686

Đại diện là: Ông **Nguyễn Quang Chính**

Chức vụ: Giám đốc Trung tâm

BÊN B: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 72A Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3731907; Fax: 0225.3733315

Đại diện là: Ông **Nguyễn Văn Khải**

Chức vụ: Hiệu trưởng

Thỏa thuận ký kết hợp đồng đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:

Điều 1: Điều khoản chung

1. Đối tượng thực hành:

- Nghiên cứu sinh: Y tế công cộng.
- Thạc sĩ: Y tế công cộng, Y học dự phòng
- Chuyên khoa cấp II: Quản lý Y tế
- Chuyên khoa cấp I: Y tế công cộng, Y học dự phòng
- Bác sĩ: Y học dự phòng

2. Số lượng người thực hành (dự kiến): theo phụ lục hợp đồng hàng năm

3. Người hướng dẫn thực hành:

- Số lượng người hướng dẫn thực hành của cơ sở thực hành phụ thuộc số lượng theo thực tế học viên/sinh viên đi thực tập; Danh sách kèm theo từng đợt thực tập cụ thể (nếu cần)

4. Nội dung chuyên môn thực hành: các học phần thực hành theo chương trình đào tạo

5. Thời gian thực hành: Từ ngày 01 tháng 1 năm 2022 đến ngày 01 tháng 1 năm 2026;

6. Địa điểm thực hành: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hải Phòng

7. Chi phí thực hành: Theo thỏa thuận

8. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành: 05 năm

9. Chương trình thực hành chi tiết đã được phê duyệt (*kèm theo*)

10. Tên cơ sở thực hành đáp ứng khoản 2, Điều 10 (Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017): Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hải Phòng

Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành (nếu có)

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt (nếu có)

- Thời hạn thanh toán: theo thỏa thuận (nếu có)

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Bên A có quyền

- Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.

- Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng

- Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên B.

- Các quyền khác (nếu có)

2. Bên A có nghĩa vụ

- Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

- Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.

- Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.

- Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).

- Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định.

- Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.

- Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Bên B có quyền

- Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

- Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành

tại cơ sở thực hành.

- Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).
- Các quyền khác (nếu có).

2. Bên B có nghĩa vụ:

- Cung cấp cho Bên A thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tín chỉ.
- Chi trả chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với Bên A.
- Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.
- Các nghĩa vụ khác (nếu có)

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thực hành và các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.
- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.
- Hợp đồng này làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai bản./.

BÊN A
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH
TẬT HẢI PHÒNG



GIÁM ĐỐC
TS.BS. Nguyễn Quang Chính

BÊN B
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải



**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 637/ YDHP-TCCB
V/v cử giảng viên làm việc
tại CDC Hải Phòng

Hải Phòng, ngày 31 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Ban Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
thành phố Hải Phòng

Triển khai kế hoạch năm học 2024 – 2025, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng cử các giảng viên có tên dưới đây tham gia giảng dạy, quản lý sinh viên và làm công tác chuyên môn tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng kể từ ngày 01/08/2024 đến hết ngày 31/07/2025 (có danh sách kèm theo).

Kính đề nghị Ban Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng bố trí, tạo điều kiện cho giảng viên có tên trên được tham gia làm việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. *Nguyễn Văn Khải*

**Danh sách cử giảng viên làm việc tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật
thành phố Hải Phòng**

(Kèm theo Công văn số 651/YDHP-TCCB ngày 5/4/2024 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

1. Ông Nguyễn Quang Đức, Giảng viên Bộ môn Sức khỏe môi trường, Khoa Y tế công cộng.
2. Bà Hoàng Thị Hoa Lê, Giảng viên Dịch tễ học, Khoa Y tế công cộng
3. Ông Cáp Minh Đức, Giảng viên Bộ môn Dinh Dưỡng và An toàn thực phẩm, Khoa Y tế công cộng.
4. Bà Phạm Thị Ngọc, Giảng viên Bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp, Khoa Y tế công cộng.
5. Bà Nguyễn Minh Ngọc, Giảng viên Bộ môn Y học xã hội, Khoa Y tế công cộng.
6. Ông Lê Trần Tuấn Anh, Giảng viên Bộ môn Y học xã hội, Khoa Y tế công cộng.
7. Bà Trịnh Thanh Xuân, Giảng viên Bộ môn Y học xã hội, Khoa Y tế công cộng.
8. Bà Hoàng Thị Thuận, Giảng viên Bộ môn Y học xã hội, Khoa Y tế công cộng. ✓

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. *Nguyễn Văn Khải*

SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1174 /KSBT-KHNV
V/v bố trí công tác giảng viên thực hành
của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Hải Phòng, ngày 7 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố nhận được Công văn số 812/YDHP-TCCB ngày 31/7/2025 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc cử giảng viên, nhân viên làm việc tại bệnh viện thực hành.

Về nội dung này Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố phúc đáp như sau:

Đồng ý tiếp nhận danh sách 10 cán bộ, giảng viên của Nhà trường được cử về thực hành tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố (*Chi tiết tại phụ lục đính kèm Công văn này*). Đề nghị Nhà trường chủ động liên hệ với đầu mối Phòng Kế hoạch-Nghị vụ của đơn vị để được hướng dẫn. Thông tin chuyên môn vui lòng liên lạc: ThS. Nguyễn Văn Trọng, Điện thoại: 0904 207 386.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố thông báo để Nhà trường được biết và chủ động phối hợp công tác./.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD CDC;
- Các khoa/phòng CDC;
- Lưu: VT, KHNV.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Trung Kiên



PHỤ LỤC

**CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
ĐẾN THỰC HÀNH TẠI TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

(Kèm theo Công văn số 1174 /KSBT-KHNV ngày 7/8/2025 của CDC Hải Phòng)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Khoa chuyên môn đến thực hành
1.	TS. Hoàng Thị Giang	Trưởng khoa Y tế công cộng	Khoa Bệnh nghề nghiệp
2.	TS. Nguyễn Thanh Hải	Phó trưởng khoa Y tế công cộng	Khoa Bệnh nghề nghiệp
3.	TS. Chu Khắc Tân	Phụ trách Bộ môn dịch tễ học	Khoa Phòng chống bệnh không lây nhiễm
4.	TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc	Trưởng Bộ môn sức khỏe môi trường	Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học
5.	ThS. Hoàng Thị Thuận	Giảng viên	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS
6.	ThS. Nguyễn Minh Ngọc	Giảng viên	Khoa Truyền thông giáo dục sức khỏe
7.	TS. Nguyễn Thị Thu Thảo	Giảng viên	Khoa Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
8.	ThS. Phạm Thị Ngọc	Giảng viên	Khoa Bệnh nghề nghiệp
9.	ThS. Nguyễn Quang Anh	Giảng viên	Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học
10.	ThS. Trịnh Mai Phương	Giảng viên	Khoa Dinh dưỡng

QUYẾT ĐỊNH

Về việc mời bổ sung Giảng viên thỉnh giảng và hướng dẫn thực hành năm học
2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng; Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐT-YDHP ngày 02/02/2021 của Hội Đồng trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Nghị định 111/2017/ND-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Thông tư 11/2013/TT-BGDĐT ngày 29/3/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về chế độ thỉnh giảng trong các cơ sở giáo dục ban hành kèm theo thông tư số 44/2011/TT-BGDĐT ngày 10/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-YDHP ngày 31/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy định về hoạt động thỉnh giảng và hướng dẫn thực hành của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Xét đề nghị của các Khoa mời giảng viên thỉnh giảng, hướng dẫn thực hành năm học 2024-2025;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mời bổ sung ông (bà) có tên dưới đây tham gia giảng dạy thỉnh giảng, hướng dẫn thực hành cho học viên sau đại học và sinh viên của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng trong năm học 2024-2025.

(Có danh sách cụ thể kèm theo)

Điều 2. Chương trình và kế hoạch giảng dạy của các ông (bà) trên do ông (bà) Trưởng Khoa, Bộ môn phân công. Các ông (bà) tham gia thỉnh giảng và hướng dẫn thực hành được thanh toán giờ giảng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các phòng: Tổ chức cán bộ, Tài chính kế toán, Quản lý Đào tạo Đại học, Quản lý Đào tạo Sau đại học, các Khoa, Bộ môn liên quan và các ông (bà) có tên trong Điều 1 căn cứ thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

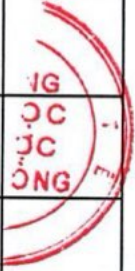
BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

DANH SÁCH MỜI BỔ SUNG GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
NĂM HỌC 2024-2025 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số 2662/QĐ-YDHP ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Trường ĐHYDHP Hải Phòng)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ	Đơn vị	Chức vụ	Đơn vị giảng dạy	Ghi chú
1	Đoàn Văn Hiến	1975	Nam	Thạc sĩ	Bệnh viện Hữu Nghị Việt-Tiệp	Trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Khoa Y tế công cộng	
2	Nguyễn Thu Hà	1970	Nữ	Tiến sĩ	Viện Sức khỏe nghề nghiệp & Môi trường	Trưởng khoa tâm sinh lý lao động	Khoa Y tế công cộng	
3	Trần Văn Đình	1984	Nam	Tiến sĩ	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	Viên chức Khoa Kiểm soát Bệnh không lây nhiễm	Khoa Y tế công cộng	
4	Trương Tuyết Mai	1975	Nữ	PGS.TS	Viện Dinh dưỡng quốc gia	Phó Viện trưởng	Khoa Y tế công cộng	
5	Mạc Huy Tuấn	1971	Nam	BSCCKII	Trung tâm Y tế quận Ngô Quyền	Phó Giám đốc	Khoa Y tế công cộng	
6	Hà Lan Phương	1976	Nữ	Tiến sĩ	Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường	Trưởng khoa Khám bệnh chuyên ngành	Khoa Y tế công cộng	
7	Nguyễn Hải Tuấn	1975	Nam	Tiến sĩ	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	Nghiên cứu viên Khoa Kiểm soát bệnh truyền nhiễm	Khoa Y tế công cộng	
8	Nguyễn Thị Nga	1973	Nữ	BSCCKI	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng	Phó trưởng Khoa Phòng, chống HIV, AIDS	Khoa Y tế công cộng	
9	Phạm Thị Thu Hà	1971	Nữ	Thạc sĩ	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng	Trưởng Khoa bệnh nghề nghiệp	Khoa Y tế công cộng	
10	Lê Thị Thu Hương	1978	Nữ	Thạc sĩ	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng	Trưởng Khoa Phòng, chống HIV, AIDS	Khoa Y tế công cộng	
11	Nguyễn Duy Hùng	1973	Nam	BSCCKII	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng	Phó Giám đốc	Khoa Y tế công cộng	
12	Đồng Trung Kiên	1977	Nam	BSCCKII	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng	Giám đốc	Khoa Y tế công cộng	
13	Nguyễn Thị Hồng	1977	Nữ	Thạc sĩ	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng	Trưởng Khoa Phòng chống bệnh không lây	Khoa Y tế công cộng	
14	Bùi Thị Thu Hường	1976	Nữ	Thạc sĩ	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng	Trưởng khoa Dinh dưỡng	Khoa Y tế công cộng	



STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ	Đơn vị	Chức vụ	Đơn vị giảng dạy	Ghi chú
15	Phùng Thị Tường Vi	1977	Nữ	Thạc sĩ	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng	Trưởng Khoa SKMT- Y tế trường học	Khoa Y tế công cộng	
16	Nguyễn Thị Quyên	1979	Nữ	Thạc sĩ	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng	Trưởng khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng	Khoa Y tế công cộng	
17	Phan Hồng Hải	1975	Nữ	Thạc sĩ	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng	Trưởng khoa phòng chống bệnh truyền nhiễm	Khoa Y tế công cộng	
18	Bùi Văn Chiến	1972	Nam	Cử nhân	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng	Phó trưởng khoa Xét nghiệm	Khoa Y tế công cộng	
19	Phạm Văn Hán	1957	Nam	Tiến sĩ	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Nguyên Phó hiệu trưởng	Khoa Y tế công cộng	
20	Nguyễn Kim Kế	1961	Tiến sĩ	Nam	Trường Cao đẳng Y tế Hưng Yên	Nguyên Hiệu trưởng	Khoa Y tế công cộng	
21	Tăng Xuân Hải	1966	Tiến sĩ	Nam	Bệnh viện Sản nhi Nghệ An	Giám đốc	Khoa Y tế công cộng	
22	Nguyễn Bá Dũng	1955	Nam	BSCCKII	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Nguyên phó trưởng khoa Y tế công cộng	Khoa Y tế công cộng	
23	Nguyễn Văn Hiếu	1971	Nam	Thạc sĩ	Ban Tuyên giáo Thành ủy Hải Phòng	Phó trưởng Ban	Khoa Y tế công cộng	
24	Nguyễn Thị Bích Diệp	1976	Nữ	BSCCKII	Chi cục An toàn thực phẩm Hải Phòng	Phó trưởng phòng Phòng Công tác Thanh tra	Khoa Y tế công cộng	
25	Vũ Thị Bích Hạnh	1983	Nữ	Thạc sĩ	Chi cục dân số Hải Phòng	Phó Chi cục trưởng	Khoa Y tế công cộng	
26	Trần Thị Thu Hằng	1976	Nữ	Thạc sĩ	Chi cục dân số Hải Phòng	Giám đốc	Khoa Y tế công cộng	
27	Trịnh Thị Tuyết	1981	Nữ	Tiến sĩ	Chi cục chăn nuôi & thú y Hải Phòng	Trưởng phòng quản lý dịch bệnh	Khoa Y tế công cộng	
28	Trần Đại Quang	1984	Nam	Tiến sĩ	Cục Y tế dự phòng, Bộ Y tế	Chuyên viên Cục Y tế dự phòng	Khoa Y tế công cộng	
29	Bùi Thị Thu Hằng	1974	Nữ	BSCCKI	TTYT Huyện An Dương	Phó Giám đốc	Khoa Y tế công cộng	
30	Doãn Ngọc Hải	1971	Nam	PGS.TS	Trường Đại học Y tế công cộng	Chủ tịch Hội đồng trường	Khoa Y tế công cộng	
31	Nguyễn Tuấn Hưng	1964	Nam	PGS.TS	Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Y tế	Phó Vụ trưởng	Khoa Y tế công cộng	
32	Trần Đăng Khoa	1971	Nam	Tiến sĩ	Vụ Sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em - Bộ Y tế	Phó Vụ trưởng	Khoa Y tế công cộng	
33	Nguyễn Đình Trung	1973	Nam	Tiến sĩ	Viện Sức khỏe nghề nghiệp & Môi trường	Trưởng Khoa bệnh nghề nghiệp	Khoa Y tế công cộng	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ	Đơn vị	Chức vụ	Đơn vị giảng dạy	Ghi chú
34	Trần Thị Bích Thùy	1980	Nữ	BSCKI	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Trưởng khoa Dinh Dưỡng	Khoa Y tế công cộng	
35	Trần Thị Thu Hạnh	1975	Nữ	BSCKII	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp	Khoa Y tế công cộng	
36	Đàm Thị Hồng Hạnh	1972	Nữ	BSCKII	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Trưởng phòng Quản lý chất lượng	Khoa Y tế công cộng	
37	Vũ Văn Vui	1967	Nam	BSCKII	Trung tâm Y tế huyện An Lão	Giám đốc	Khoa Y tế công cộng	
38	Phạm Tiến Thành	1976	Nam	BSCKI	Trung tâm Y tế huyện Tiên Lãng	Giám đốc	Khoa Y tế công cộng	
39	Cao Văn Phúc	1975	Nam	BSCKII	Trung tâm Y tế huyện Kiến Thụy	Giám đốc	Khoa Y tế công cộng	
40	Hoàng Văn Nhật	1967	Nam	BSCKII	Trung tâm Y tế huyện Thủy Nguyên	Giám đốc	Khoa Y tế công cộng	
41	Khổng Hữu Cương	1973	Nam	BSCKII	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Bảo	Giám đốc	Khoa Y tế công cộng	
42	Nguyễn Thị Tuyết Nga	1985	Nữ	BSCKI	Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	Phụ trách Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Bộ môn Nhi, Khoa Y	
43	Trần Thị Thắm	1984	Nữ	Tiến sĩ	Bệnh viện Quốc tế Sân - Nhi Hải Phòng	Trưởng khoa Khám bệnh Nhi	Bộ môn Nhi, Khoa Y	
44	Trần Phan Ninh	1971	Nam	Tiến sĩ	Bệnh viện Nhi Trung ương	Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh	Bộ môn Nhi, Khoa Y	
45	Lương Công Nam	1982	Nam	BSCKII	Bệnh viện Y dược cổ truyền Quảng Ninh	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	Khoa Y học cổ truyền	
46	Nguyễn Quốc Sơn	1979	Nam	BSCKI	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Trưởng khoa Mắt	Bộ môn Mắt, Khoa Y	
47	Bùi Thị Thúy Hải	1978	Nữ	Thạc sĩ	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Phó trưởng khoa Mắt	Bộ môn Mắt, Khoa Y	

(Danh sách có tổng số 47 người) 

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. *Nguyễn Văn Khải*

Số: 2313/BVVT-TTĐTCĐT

Hải Phòng, ngày 05 tháng 5 năm 2022

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế Thành phố Hải Phòng

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 07/2014/GPHĐBV, do Sở Y tế Thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/5/2014

Địa chỉ: Số 1, đường Nhà Thương, Cát Dài, Lê Chân, Hải Phòng

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: PGS.TS Lê Minh Quang

Điện thoại liên hệ: 02253.700.436

Căn cứ Nghị định số 111/ 2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính Phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Căn cứ công văn số 830/BVVT-TTĐTCĐT ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Bệnh viện Việt Hữu Nghị Việt Tiệp gửi Sở Y tế Thành phố Hải Phòng về việc công bố Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp công bố bổ sung một số danh mục đào tạo thực hành đã đáp ứng yêu cầu theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/ chuyên ngành đào tạo thực hành: (Danh mục kèm theo-Phụ lục 1)
2. Trình độ đào tạo thực hành: (Danh mục kèm theo - Phụ lục 1)
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ) (Danh mục kèm theo-Phụ lục 1)
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu (Danh mục kèm theo-Phụ lục 2)

5. Danh sách khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng (Danh mục kèm theo-Phụ lục 2)

6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (Danh mục kèm theo - Phụ lục 3).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

(Tài liệu gửi kèm theo) *mlm*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TTĐTCĐT.



Lê Minh Quang



Phụ lục 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
(Tại 1 thời điểm)

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn Học/Học phần/Tín chỉ	Nội Dung	Tên Khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	9720107	Tiến sĩ	Nội khoa	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Bệnh nhiệt đới	2	10	5	15	0	10
						Nội 1	1	5	5	15	0	5
2	CK62722815	CKII	Răng Hàm Mặt	Phẫu thuật trong miệng - Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	Thực hành lâm sàng	Răng Hàm Mặt	2	10	8	24	0	10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn Học/Học phần/Tín chỉ	Nội Dung	Tên Khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3	CK62725305	CKII	Y học cổ truyền	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Khoa YHCT	2	10	20	60	0	10
4	CK62725305	CKII	Tai mũi họng	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Tai mũi họng	1	5	5	15	0	5
5	8720501	Thạc sĩ	Răng Hàm Mặt	Phẫu thuật trong miệng - Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	Thực hành lâm sàng	Khoa Răng Hàm Mặt	4	20	8	24	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn Học/Học phần/Tín chỉ	Nội Dung	Tên Khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
6	8720113	Thạc sĩ	Y học cổ truyền	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Khoa Y học cổ truyền	1	5	6	18	0	5
7	8720163	Thạc sĩ	Y học dự phòng	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Bệnh nhiệt đới	4	20	7	21	0	20
8	8720601	Thạc sĩ	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	HHTM	1	5			0	5
					Thực hành lâm sàng	VS	1	5			0	5
					Thực hành lâm sàng	KSNK	1	5			0	5

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn Học/Học phần/Tín chỉ	Nội Dung	Tên Khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
9	8720205	Thạc sĩ	Dược lý và Dược lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Khoa Dược	1	5			0	5
					Thực hành lâm sàng	Nội 1	1	5	5	15	0	5
						Nội 3	1	5	5	15	0	5
					Thực hành lâm sàng	Hồi sức tích cực nội	1	5	5	15	0	5
10	872031	Thạc sĩ	Điều Dưỡng	Điều dưỡng nội khoa nâng cao và Thực hành	Thực hành lâm sàng	Nội tổng hợp	2	10	35	105	0	10
				Điều dưỡng ngoại khoa nâng cao và Thực hành	Thực hành lâm sàng	Ngoại tổng hợp	2	10	35	105	0	10
11	62722801	Bác sĩ nội trú	Răng Hàm Mặt	Phẫu thuật trong miệng - Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	Thực hành lâm sàng	Khoa Răng Hàm Mặt	2	10	8	24	0	10
12	CK 60790	CKI	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	Thực hành lâm sàng	Y học cổ truyền	2	10	6	18	0	10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn Học/Học phần/Tín chỉ	Nội Dung	Tên Khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
13	CK8720163	CKI	Y học dự phòng	Truyền nhiễm	Thực hành lâm sàng	Bệnh nhiệt đới	5	25	9	27	0	25
14	CK 8720205	CKI	Dược lý và Dược lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Khoa Dược	3	15			0	15
					Thực hành lâm sàng	Hồi sức tích cực	1	5	5	15	0	5
15	CK 60790	CKI	Điều Dưỡng	Điều dưỡng nội khoa	Thực hành lâm sàng	Nội tổng hợp	1	5	35	105	0	5
				Điều dưỡng ngoại khoa	Thực hành lâm sàng	Ngoại tổng hợp	1	5	35	105	0	5
				Điều dưỡng hồi sức - tích cực	Thực hành lâm sàng	Hồi sức tích cực	1	5	25	75	0	5

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn Học/Học phần/Tín chỉ	Nội Dung	Tên Khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
16	CK 8720119	CKI	Phẫu thuật tạo hình	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	1	5	5	15	0	5
17	CK	CKI	Da liễu	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Da liễu	8	40	18	54	0	40

Phụ lục 2

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

1. Tiến sĩ Nội khoa

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu TH
1	Đặng Chiêu Dương	TS.BS	Bác sĩ	000896/HP-CCHN	Nội khoa	10	Tiêu hoá	Thực hành lâm sàng	Nội 1	5
2	Vũ Hải Vinh	PGS.TS	Bác sĩ	006289/HP-CCHN	Nội khoa	8	Truyền nhiễm	Thực hành lâm sàng	Bệnh nhiệt đới	5
3	Ngô Anh Thế	TS.BS	Bác sĩ	002581/HP-CCHN	Nội khoa	8	Truyền nhiễm	Thực hành lâm sàng	Bệnh nhiệt đới	5



2. Chuyên khoa 2 Răng hàm mặt

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Kim Loan	BSCKII	Răng hàm mặt	000049/HP-CCHN	Răng hàm mặt	10	Phẫu thuật trong miệng - Bệnh lý miệng mà phẫu thuật hàm mặt	Thực hành lâm sàng phẫu thuật trong miệng và hàm mặt	Răng hàm mặt	8
2	Phạm Đan Tâm	BSCKII	Răng hàm mặt	000664/HP-CCHN	Răng hàm mặt	10	Phẫu thuật trong miệng - Bệnh lý miệng mà phẫu thuật hàm mặt	Thực hành lâm sàng phẫu thuật trong miệng và hàm mặt	Răng hàm mặt	8

3. Bác sỹ chuyên khoa II chuyên ngành Y học cổ truyền

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu TH
1	Đoàn Mỹ Hạnh	BSCKII	Bác sỹ	000547/HP - CCHN	Y học cổ truyền	20	- Các phương pháp không dùng thuốc - Chẩn trị kết hợp YHCT và YHCT	Thực hành lâm sàng	Khoa YHCT	20
2	Nguyễn Thị Thúy	Tiến sỹ	Bác sỹ	0014146- BYT-CCHN	Y học cổ truyền	11	- Chuyên ngành rộng - Phương pháp dùng thuốc Y học cổ truyền - Các phương thuốc Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông ứng dụng trong lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Khoa YHCT	20

4. Bác sỹ chuyên khoa II chuyên ngành Tai mũi họng

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu TH
1	Nguyễn Quang Đạo	BSCKII	Bác sỹ	0012510/BYT-CCHN	Tai mũi họng	9	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Tai mũi họng	5

5. Thạc sĩ Răng hàm mặt

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Hứa Mạnh Hùng	BSCKI	Răng hàm mặt	001984/HP-CCHN	Răng hàm mặt	8	Phẫu thuật trong miệng - Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	Thực hành lâm sàng phẫu thuật trong miệng và hàm mặt	Răng hàm mặt	8
2	Lương Xuân Quỳnh	Thạc sĩ	Răng hàm mặt	0012548/BYT-CCHN	Răng hàm mặt	5	Phẫu thuật trong miệng - Bệnh lý miệng mà phẫu thuật hàm mặt	Thực hành lâm sàng phẫu thuật trong miệng và hàm mặt	Răng hàm mặt	8
3	Nguyễn Thị Vân Anh	BSCKI	Răng hàm mặt	000061/HP-CCHN	Răng hàm mặt	10	Phẫu thuật trong miệng - Bệnh lý miệng mà phẫu thuật hàm mặt	Thực hành lâm sàng phẫu thuật trong miệng và hàm mặt	Răng hàm mặt	8
4	Nguyễn Thị Trang	Thạc sĩ	Răng hàm mặt	006654/HP-CCHN	Răng hàm mặt	10	Phẫu thuật trong miệng - Bệnh lý miệng mà phẫu thuật hàm mặt	Thực hành lâm sàng phẫu thuật trong miệng và hàm mặt	Răng hàm mặt	8

6. Thạc sĩ Y học cổ truyền

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Bùi Thị Thuý	BSCKI	Bác sĩ	005896/HP-CCHN	Y học cổ truyền	8	Y học cổ truyền	Thực hành lâm sàng	Y học cổ truyền	6

7. Thạc sĩ Y học dự phòng

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Trần Thị Thương	Thạc sĩ	Nội khoa, Nhi khoa	0027610/BYT-CCHN	Nội khoa	10	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Bệnh nhiệt đới	7
2	Đặng Duy Nhất	Thạc sĩ	Nội khoa	0015590/HP-CCHN	Nội khoa	8	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Bệnh nhiệt đới	7
3	Lê Thu Hồng	BSCKI	Nội khoa	004505/HP-CCHN	Nội khoa	8	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Bệnh nhiệt đới	7
4	Phạm Thị Vân Anh	Thạc sĩ	Nội khoa	0027928/BYT-CCHN	Nội khoa	7	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Bệnh nhiệt đới	7

8. Thạc sĩ Kỹ thuật Xét nghiệm Y học

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Lại Thị Quỳnh	Thạc sĩ	Bác sĩ	005890/HP-CCHN	Xét nghiệm	8	Vi sinh	Thực hành lâm sàng	Vi sinh	
2	Trần Thị Ngọc Anh	Thạc sĩ	Bác sĩ	005893/HP-CCHN	HHTM	8	HHTM	Thực hành lâm sàng	TTHHTM	
3	Lại Thị Thu Trang	Thạc sĩ	Kỹ sư				Kiểm soát nhiễm khuẩn	Thực hành lâm sàng	Kiểm soát nhiễm khuẩn	

9. Thạc sĩ Dược lý và Dược lâm sàng

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu TH
1	Nguyễn Thị Hiền	Thạc sĩ	Dược	375/BYT-CCHN	Dược	20	Thực hành Dược lâm sàng I; Thực hành Dược lâm sàng trong điều trị ngoại trú	Thực hành hoạt động Dược lâm sàng	Dược	
2	Phạm Tuấn Đức	Thạc sĩ	Nội khoa	001390/HP-CCHN	Nội tổng hợp	9	Thực hành Dược lâm sàng trong Hồi sức tích cực	Thực hành lâm sàng	Hồi sức tích cực	5
3	Bùi Đức Hiền	Thạc sĩ. BSNT	Nội khoa	0035549/HP-CCHN	Nội tổng hợp	5	Thực hành Dược lâm sàng III; Thực hành Dược lâm sàng trong lão khoa	Thực hành lâm sàng	Nội 1	5
4	Lê Huy Hoàng	Thạc sĩ	Nội khoa	006287/HP-CCHN	Nội khoa	8	Thực hành Dược lâm sàng III; Thực hành Dược lâm sàng trong lão khoa	Thực hành lâm sàng	Nội 3	5

10. Thạc sĩ Điều dưỡng

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu TH
1	Phạm Thị Liễu	Thạc sĩ	Điều dưỡng	006571/HP-CCHN	Điều dưỡng	8	- Điều dưỡng Ngoại khoa nâng cao - Thực hành Điều dưỡng nâng cao	Lập KHCS người bệnh mắc ngoại khoa, nội khoa nâng cao Thực hiện các kỹ thuật Điều dưỡng ngoại khoa, nội khoa nâng cao	Ngoại tổng hợp	35
2	Nguyễn Thị Thu Hương	Tiến sĩ	Điều dưỡng	011104/HP-CCHN	Điều dưỡng	12	- Điều dưỡng ngoại khoa nâng cao - Thực hành điều dưỡng nâng cao	Thực hiện các thủ thuật Điều dưỡng nội, ngoại khoa nâng cao: thay vết bỏng nặng, Bỏng có ghép da, chăm sóc hậu môn nhân tạo...	Ngoại tổng hợp	35
3	Vũ Thị Minh Thu	Thạc sĩ	Điều dưỡng	006572/HP-CCHN	Điều dưỡng	8	- Điều dưỡng Nội khoa nâng cao - Thực hành Điều dưỡng nâng cao	Lập KHCS người bệnh mắc ngoại khoa, nội khoa nâng cao Thực hiện các kỹ thuật Điều dưỡng ngoại khoa, nội khoa nâng cao	Nội tổng hợp	35
4	Lương Thị Thu Giang	Thạc sĩ	Điều dưỡng	030193/BYT-CCHN	Điều dưỡng	11	- Điều dưỡng nội khoa nâng cao	Lập KHCS người bệnh mắc bệnh nội khoa Hướng dẫn các kỹ thuật điều dưỡng nâng cao như phụ giúp đặt catheter tĩnh mạch trung tâm, chăm sóc ống nội khí quản...	Nội tổng hợp	35

11. Bác sĩ nội trú Răng hàm mặt

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Minh Tuấn	BSCKII	Răng hàm mặt	0012593/ BYT-CCHN	Răng hàm mặt	9	Phẫu thuật trong miệng - Bệnh lý miệng mà phẫu thuật hàm mặt	Thực hành lâm sàng phẫu thuật trong miệng và hàm mặt	Răng hàm mặt	8
2	Lê Thị Bích Nga	BSCKII	Răng hàm mặt	000419/HP-CCHN	Răng hàm mặt	9	Phẫu thuật trong miệng - Bệnh lý miệng mà phẫu thuật hàm mặt	Thực hành lâm sàng phẫu thuật trong miệng và hàm mặt	Răng hàm mặt	8

12. Bác sĩ chuyên khoa I Y học cổ truyền

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Văn Quang	BSCKI	Bác sĩ	010823/HP-CCHN	Y học cổ truyền	8	Y học cổ truyền	Thực hành lâm sàng	Y học cổ truyền	6
2	Dương Quang Lưu	BSCKI	Bác sĩ	002897/HP-CCHN	Nội khoa	9	Y học cổ truyền	Thực hành lâm sàng	Y học cổ truyền	6

13. Bác sĩ chuyên khoa I Y học dự phòng**DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)**

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Đào Trọng Hoàng	Thạc sĩ	Bác sĩ	005695/HP-CCHN	Nội truyền nhiễm	8	Truyền nhiễm	Thực hành lâm sàng	Bệnh nhiệt đới	9
2	Tạ Thị Thu Huyền	BSCKI	Bác sĩ	006290/HP-CCHN	Nội khoa	8	Truyền nhiễm	Thực hành lâm sàng	Bệnh nhiệt đới	9
3	Trần Thị Thoa	Thạc sĩ	Bác sĩ	0026808/BYT-CCHN	Nội khoa	7	Truyền nhiễm	Thực hành lâm sàng	Bệnh nhiệt đới	9
4	Nguyễn Thị Phương Thảo	Thạc sĩ	Bác sĩ	0012618/BYT-CCHN	Nội khoa	9	Truyền nhiễm	Thực hành lâm sàng	Bệnh nhiệt đới	9
5	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thạc sĩ	Bác sĩ	012036/HP-CCHN	Nội khoa	3	Truyền nhiễm	Thực hành lâm sàng	Bệnh nhiệt đới	9

14. Chuyên khoa cấp I Dược lý và Dược lâm sàng

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu TH
1	Hà Thị Hương Trà	DSCKI	Dược	00546/HP-CCHND	Dược	8	Thực hành Dược lâm sàng I; Thực hành Dược lâm sàng trong điều trị ngoại trú	Thực hành lâm sàng	Dược	
2	Nguyễn Quốc Hùng	DSCKI	Dược	1566/CCHND-SYT	Dược	6	Thực hành Dược lâm sàng I; Thực hành Dược lâm sàng trong điều trị ngoại trú	Thực hành lâm sàng	Dược	
3	Nguyễn Thị Hạnh	Thạc sĩ	Dược	390/CCHND-SYT-HP	Dược	6	Thực hành Dược lâm sàng I; Thực hành Dược lâm sàng trong điều trị ngoại trú	Thực hành lâm sàng	Dược	
4	Trần Xuân Tùng	Thạc sĩ	Bác sĩ	003825/HP-CCHN	Hồi sức cấp cứu	8	Thực hành Dược lâm sàng trong Hồi sức tích cực	Thực hành lâm sàng	Hồi sức	5

15. Điều dưỡng Chuyên khoa 1

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu TH
1	Phạm Thị Thu Hương	Thạc sĩ	Điều dưỡng	030464/ BYT- CCHN	Điều dưỡng	12	Điều dưỡng nội khoa	- Hướng dẫn nhận định và lập kế hoạch chăm sóc dựa trên map concepts và hệ thống chẩn đoán điều dưỡng NANDA cho các bệnh Nội khoa, Lão khoa, Hồi sức tích cực - Hướng dẫn các kỹ thuật điều dưỡng nâng cao	Nội tổng hợp	35
2	Vũ Thị Cẩm Doanh	Thạc sĩ	Điều dưỡng	011235/ HP- CCHN	Điều dưỡng	8	Điều dưỡng ngoại khoa	- Hướng dẫn nhận định và lập kế hoạch chăm sóc dựa trên map concepts và hệ thống chẩn đoán điều dưỡng NANDA cho các bệnh Nội khoa, hồi sức tích cực	Ngoại tổng hợp	35
3	Trần Thị Thuỳ Dương	Thạc sĩ	Điều dưỡng	030465/ BYT- CCHN	Điều dưỡng	9	Hồi sức tích cực	- Hướng dẫn nhận định và lập kế hoạch chăm sóc các bệnh Hồi sức tích cực	Hồi sức tích cực	25

16. Chuyên khoa cấp I Phẫu thuật tạo hình

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu TH
1	Vũ Thành Đông	Thạc sĩ	Bác sĩ	0012584/BYT-CCHN	Phẫu thuật tạo hình	9	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	5

17. Chuyên khoa 1 Da liễu

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu TH
1	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thạc sĩ	Bác sĩ	011166/HP-CCHN	Da liễu	10	- Đại cương về da và các bệnh da cơ bản - Phong và bệnh da nhiễm khuẩn	Thực hành lâm sàng	Da liễu	18
2	Đào Minh Châu	Thạc sĩ	Bác sĩ	0022886/BYT-CCHN	Da liễu	12	- Các bệnh lây truyền qua quan hệ tình dục - Bệnh da dị ứng, tự miễn dịch	Thực hành lâm sàng	Da liễu	18
3	Nguyễn Thị Lệ Thủy	Thạc sĩ	Bác sĩ	0012502/BYT-CCHN	Da liễu	8	- Các bệnh lây truyền qua quan hệ tình dục - Bệnh da dị ứng, tự miễn dịch	Thực hành lâm sàng	Da liễu	18
4	Phạm Thị Nga	TS.BS	Bác sĩ	004499/HP-CCHN	Da liễu	8	- Các bệnh lây truyền qua quan hệ tình dục - Bệnh da dị ứng, tự miễn dịch	Thực hành lâm sàng	Da liễu	18
5	Nguyễn Thị Xuân Hương	Ths.BSCKII	Bác sĩ	001240/HP-CCHN	Da liễu	10	- Các bệnh lây truyền qua quan hệ tình dục - Bệnh da dị ứng, tự miễn dịch	Thực hành lâm sàng	Da liễu	18
6	Nguyễn Thị Huyền	Thạc sĩ	Bác sĩ	005506/HP-CCHN	Da liễu	8	- Đại cương về da và các bệnh da cơ bản - Phong và bệnh da nhiễm khuẩn	Thực hành lâm sàng	Da liễu	18

7	Cao Bích Ngọc	BSCK1	Bác sĩ	009688/HP-CCHN	Da liễu	5	- Đại cương về da và các bệnh da cơ bản	Thực hành lâm sàng	Da liễu	18
8	Nguyễn Thị Thu Huế	BSCK1	Bác sĩ	003062/HP-CCHN	Da liễu	9	- Đại cương về da và các bệnh da cơ bản	Thực hành lâm sàng	Da liễu	18

Phụ lục 3
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
SAU ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH RĂNG HÀM MẬT
(Chuyên khoa cấp I/Chuyên khoa cấp 2/Bác sĩ nội trú/Thực hành bệnh viện)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Ghế máy nha khoa Clesta II	02	Thực hành, điều trị
2	Ghế máy nha khoa F1 Fimet	02	Thực hành, điều trị
3	Ghế máy nha khoa SK1	03	Thực hành, điều trị
4	Ghế máy nha khoa	01	Thực hành, điều trị
5	Máy Xquang răng Phot XII 303	01	Chụp phim tại chỗ
6	Máy sấy dụng cụ HS112a	01	Sấy dụng cụ
7	Máy sấy dụng cụ HS 60a	01	Sấy dụng cụ
8	Đèn quang trùng hợp QHL 75	01	Dùng quang trùng hợp Composite
9	Máy hấp dụng cụ Melatronic 23	01	Hấp dụng cụ
10	Máy Lấy cao răng ART	01	Lấy cao răng

Phụ lục 3
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
SAU ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG
(Sau đại học/Chuyên khoa cấp I/Điều Dưỡng/Thực hành bệnh viện)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
1.	Máy siêu âm đen trắng Prosound 6	1	
2.	Bình làm ẩm oxy	4	
3.	Bơm tiêm điện SN-50C6T	1	
4.	Bơm tiêm điện SN-50C6T	1	
5.	Bơm tiêm điện B.Braun	1	
6.	Bộ bình oxy 4L + van giảm áp & bình làm ẩm	4	
7.	Đèn đọc phim 2 cực (LED)	1	
8.	Huyết áp kế đồng hồ	4	
9.	Máy điện tim 6 cân Cardiofax ECG-1250K	1	
10.	Máy hút Yuwell 7A-23D	1	
11.	Monitor theo dõi bệnh nhân iMEC 12	1	
12.	Monitor theo dõi bệnh nhân iMEC 12	1	
13.	Tủ bảo quản thuốc AQUA 55AR	1	
14.	Đèn cực tím	2	
15.	Đèn đặt nội khí quản	1	
16.	Đèn đọc phim	1	
17.	Đèn gù L751	7	
18.	Huyết áp kế đồng hồ	1	
19.	Máy điện tim 6 cân Cardiofax ECG-1250K	1	
20.	Máy đo đa chức năng hô hấp HI-801	1	
21.	Máy đo đa chức năng hô hấp HI-801	1	
22.	Máy hút VICTORIA	1	

23.	Máy khí dung Devilbiss 3655I	1	
24.	Máy khí dung Devilbiss 3655I	1	
25.	Máy khí dung Devilbiss 3655I	1	
26.	Máy khí dung Omron NE-C29	1	
27.	Máy khí dung Omron NE-C29	1	
28.	Máy khí dung Phillip Family	1	
29.	Máy li tâm chuyên tách huyết tương giàu tiểu cầu Fleta-40P	1	
30.	Máy cắt trĩ ZZ-II 500A	1	
31.	Máy hút MEDI-Pump	2	
32.	Bàn tiết niệu (Soi TT)	1	
33.	Bình làm ẩm oxy	8	
34.	Dây soi đại tràng Olympus CF-Q150i	1	
35.	Dây soi đại tràng Olympus CF-Q150i	1	
36.	Dây soi đại tràng dùng cho người lớn EC 38i10L	1	
37.	Dây soi đại tràng Pentax EC-38-i10	1	
38.	Dây soi tá tràng Pentax ED-3490TK	1	
39.	Dây soi dạ dày loại tiêu chuẩn EG 29i10	1	
40.	Dây soi dạ dày Pentax EG-27i10	1	
41.	Dây soi dạ dày Olympus GIF - Q150	1	
42.	Hệ thống nội soi phế quản NPI Optera 170 gồm: Bộ ống nội soi phế quản Bộ xử lý ảnh kèm nguồn sáng LED màn hình Sony	1	
43.	Màn hình Sony LMD 1530	1	
44.	Dao mổ điện kỹ thuật số Zeus 200S	1	
45.	Đèn nội khí quản Pakistan	2	
46.	Chậu ngâm tiết trùng Cidex	3	

47.	Màn hình FSN	1	
48.	Máy hút Yuwell 7A-23D	1	
49.	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	
50.	Ống nội soi đại tràng video	2	
51.	Ống nội soi dạ dày video	1	
52.	Máy sấy tay Panasonic FJ-T09B2	2	
53.	Máy siêu âm đen trắng Logiq 200 Pro	1	
54.	Máy thận SURDIAL	1	
55.	Máy thở AVEA	2	
56.	Máy thở Bennett 840	1	
57.	Máy thở Engstrom Carestation	18	
58.	Máy thở Evita XL	2	
59.	Máy thở không xâm nhập GoodKnight 425	2	
60.	Máy thở T-Bird VELA	1	
61.	Máy XQ di động TOSHIBA IME-100L	1	
62.	Monitor màu 7 thông số LIFESCOPE BSM - 4101K	1	
63.	Bộ điều chỉnh lưu lượng kèm bình làm ẩm oxy	14	
64.	UPS santak True Online C3KE	1	
65.	Bơm tiêm điện Argus 606S	1	
66.	Bơm tiêm điện SEP-10S Plus	1	
67.	Bơm tiêm điện SN-50C6T	1	
68.	Bơm tiêm điện TERUMO TE-331	1	
69.	UPS santak True Online C3KE	1	
70.	Bơm tiêm điện Argus 606S	1	
71.	Bơm tiêm điện SEP-10S Plus	2	
72.	Hệ thống Holter theo dõi điện tim huyết áp Gồm: 03 holter theo dõi điện tim, model: EVO, s/n: EVO-009943, EVO-009944, EVO-009879	1	

	02 holter theo dõi huyết áp, model: 90227 OnTrack, s/n: 90227-002568, 90227-002499 01 bộ máy tính đồng bộ DELL core i3 01 máy in đen trắng Canon LP2900		
73.	Máy khí dung	2	
74.	Máy xông khí dung	2	
75.	Hệ thống thăm dò điện sinh lý tim và điều trị rối loạn nhịp tim bằng sóng RF	1	
76.	Máy tạo nhịp 1 buồng , model: 3077	1	
77.	Máy tạo nhịp tim ngoài cơ thể MEDTRONIC 5388	2	
78.	Máy thận nhân tạo Dialog	1	
79.	Máy thận nhân tạo NIPRO Model: SURDIAL	56	
80.	Máy siêu âm trị liệu BTL-4620 Smart	1	
81.	Hệ thống kéo giãn cổ, cột sống STC-200N	1	
82.	Máy kéo cột sống cổ	1	
83.	Máy kích thích cơ 38600 Fontaine	1	
84.	Máy kích thích thần kinh cơ Endomed 482	1	
85.	Máy rung cơ	1	
86.	Máy siêu âm trị liệu BTL-4710 Smart	1	
87.	Máy siêu âm điều trị Sonopuls 490	1	
88.	Máy siêu âm điều trị Sonopuls 490	1	
89.	Máy trị liệu tần số thấp Endomed 682	1	
90.	Máy tập cổ tay	1	
91.	Máy tập cẳng tay	1	
92.	Máy tập khớp vai	2	
93.	Thang tập	1	
94.	Máy tập khuỷu tay	2	
95.	Máy đo lực bóp bàn tay Preston	1	

96.	Thang tập song song INOX	1	
97.	Tủ bảo quản SR-125PN	1	
98.	Xe đạp thể dục Ebike Comport PCPlus	1	
99.	Xe đạp thể dục Ebike Comport PCPlus	1	
100.	Bàn mổ 3008B	1	
101.	Bàn mổ đa năng DR-2600	1	
102.	Bàn mổ với giá đỡ 2 chân Promerix	1	
103.	Bàn mổ với giá đỡ 2 chân Promerix	1	
104.	Bộ bàn ghế phẫu thuật FACO	1	
105.	Bàn mổ HT	1	
106.	Bàn mổ HT 809	1	
107.	Bàn mổ HT 40121	2	
108.	Bàn mổ ATLAS	7	
109.	Dao mổ điện ELEKTROTOM 200	1	
110.	Dao mổ điện ELEKTROTOM 530	2	
111.	Dao mổ điện cao tần Excell NHP/T-400	1	
112.	Dao mổ điện VALEYLAB FORCE FX 8C	3	
113.	Máy cắt cầm máu siêu âm tích hợp dao hàn mạch GEN 11	1	
114.	Dao mổ điện có chức năng hàn mạch máu Ligasure 150W	1	
115.	Dao Plasma trong phẫu thuật TMH Plusar II Generator	1	
116.	Dao đốt SMT BMM	2	
117.	Dao mổ Statome 900	2	
118.	Đèn đọc phim	1	
119.	Đèn đọc phim XQ 2 cửa Medview 2F	1	
120.	Đèn mổ Martin ML702 EV	1	
121.	Đèn phẫu thuật Merilux X3/X5CM	5	

Phụ lục 3

**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
SAU ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH DƯỢC**
(Chuyên khoa cấp I chuyên ngành Dược lý và Dược lâm sàng/
Thạc sĩ chuyên ngành Dược lý và Dược lâm sàng)

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu Micromedex	1	1 tài khoản có thể sử dụng được trên nhiều thiết bị di động cùng lúc
2	Tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu Sanford Guide	2	1 tài khoản có thể sử dụng trên 5 thiết bị di động/máy tính cùng lúc
3	Tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu Uptodate	3	1 tài khoản có thể dùng trên 1 máy tính và 2 thiết bị di động cùng lúc
4	Tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu BJM Practice		1 tài khoản có thể sử dụng được trên nhiều thiết bị di động cùng lúc
5	Máy tính có kết nối internet (đã cài đặt các tài liệu/phần mềm tra cứu dạng ebook không trực tuyến, cập nhật hàng năm)	4	Khoa dược bệnh viện (phục vụ hoạt động Dược lâm sàng/giảng dạy)
6	Phòng tra cứu (bao gồm: văn bản quy định liên quan, sách tra cứu, tạp chí chuyên ngành cập nhật thường xuyên, bảng thông tin thuốc)	1	
7	Máy đo huyết áp cổ tay	2	
8	Máy đo đường huyết	2	
9	Bình xịt định liều (MDI) dạng inhaler	3	

10	Bình hít bột khô dạng accuhaler	3	
11	Bình hít bột khô dạng tuburhaler	3	
12	Buồng đệm babyhaler	3	
13	Máy hít bột khô dạng Breezhaler	3	
14	Bút tiêm insulin	3	
15	Giảng đường (bao gồm máy chiếu, bảng, mic, có thể giảng cho nhóm 20 sinh viên)	1	Khu giảng đường bệnh viện
16	Nhà thuốc bệnh viện (đáp ứng tiêu chuẩn GPP - Thực hành tốt nhà thuốc)	3	Khoa Dược bệnh viện
17	Giường bệnh	5 giường/ khoa	Tại các khoa lâm sàng

Phụ lục 3

**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
SAU ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH DA LIỄU
(Chuyên khoa cấp I chuyên ngành Da liễu)**

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu Uptodate	1	1 tài khoản có thể dùng trên 1 máy tính và 2 thiết bị di động cùng lúc
2	Tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu BJM Practice	1	1 tài khoản có thể sử dụng được trên nhiều thiết bị di động cùng lúc
3	Máy Laser CO2 45W	1	Thực hành,
4	Máy soi chụp phân tích da	2	Thực hành,
5	Đèn Wood	1	Thực hành,
6	Kính lúp cầm tay	10	Thực hành,
7	Dao mổ Plasma	1	
8	Đèn tiêu phẫu	5	Thực hành,
9	Đèn cực tím	1	
10	Bộ điều chỉnh lưu lượng kèm bình làm ẩm oxy	2	
11	Máy tính có kết nối internet (đã cài đặt các tài liệu/phần mềm tra cứu dạng ebook không trực tuyến, cập nhật hàng năm)	4	
12	Giảng đường (bao gồm máy chiếu, bảng, mic, có thể giảng cho nhóm 20 sinh viên)	5	Khu giảng đường bệnh viện
13	Giường bệnh	30 giường/ khoa	Tại các khoa lâm sàng

Phụ lục 3

**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
SAU ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN
(Chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền)**

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu Uptodate	1	1 tài khoản có thể dùng trên 1 máy tính và 2 thiết bị di động cùng lúc
2	Tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu BJM Practice	1	1 tài khoản có thể sử dụng được trên nhiều thiết bị di động cùng lúc
3	Máy điện châm	20	
4	Máy sắc thuốc KPS-240L	2	
5	Máy đóng gói thuốc Tower II	1	
6	Đèn hồng ngoại	3	
7	Máy sấy	2	
8	Tủ bảo quản	1	
9	Máy tính có kết nối internet (đã cài đặt các tài liệu/phần mềm tra cứu dạng ebook không trực tuyến, cập nhật hàng năm)	4	
10	Giảng đường (bao gồm máy chiếu, bảng, mic, có thể giảng cho nhóm 20 sinh viên)	5	Khu giảng đường bệnh viện

Phụ lục 3

**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
SAU ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC
(Thạc sỹ chuyên ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y học)**

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy đếm tế bào tự động 5 thành phần bạch cầu	06	Huyết Học- Truyền máu
2	Máy phân tích đông máu tự động CP 2000	02	Huyết Học- Truyền máu
3	Máy phân tích đông máu tự động YU 8000	02	Huyết Học- Truyền máu
4	Máy Rotem đo đàn hồi cục máu đông	01	Huyết Học- Truyền máu
5	Máy định nhóm máu tự động	03	Huyết Học- Truyền máu
6	Máy đếm tế bào dịch tự động Unidi	01	Huyết Học- Truyền máu
7	Máy đo tốc độ máu lắng tự động	02	Huyết Học- Truyền máu
8	Máy điện di huyết sắc tố, điện di protein, điện di miễn dịch huyết thanh tự động	01	Huyết Học- Truyền máu
9	Máy Elisa tự động	01	Huyết Học- Truyền máu
10	Máy hóa phát quang tự động	01	Huyết Học- Truyền máu
11	Dàn máy sinh học phân tử thực hiện kỹ thuật NAT	01	Huyết Học- Truyền máu
12	Máy ly tâm lạnh 12 ống sản xuất chế phẩm máu	02	Huyết Học- Truyền máu



13	Máy ép túi máu tự động	02	Huyết Học- Truyền máu
14	Máy gạn tách tiểu cầu tự động từ một người cho	04	Huyết Học- Truyền máu
15	Kính hiển vi 02 mắt soi tiêu bản	04	Huyết Học- Truyền máu
16	Tủ lạnh 2-8 độC trữ khối hồng cầu	08	Huyết Học- Truyền máu
17	Tủ lạnh âm sâu âm 35 độ trữ huyết tương	03	Huyết Học- Truyền máu
18	Máy lắc liên tục bảo quản khối tiểu cầu	01	Huyết Học- Truyền máu
19	Máy Xét nghiệm khí máu Gastat 710	01	Sinh Hóa
20	Máy ly tâm EBA-Hetick	01	Sinh Hóa
21	Máy đo điện giải	01	Sinh Hóa
22	Tủ lạnh thường bảo quản sinh phẩm loại to (350-400lít)	01	Sinh Hóa
23	Bộ pippet man	01	Sinh Hóa
24	Máy Xét nghiệm Sinh hóa Bán tự động Microlab 300	01	Sinh Hóa
25	Máy Xét nghiệm Sinh hóa Tự động AU680 PowerLink	01	Sinh Hóa
26	Máy Xét nghiệm Sinh hóa Tự động AU680	01	Sinh Hóa
27	Máy Xét nghiệm Miễn dịch ADVIA CentaurXP	01	Sinh Hóa
28	Máy Xét nghiệm Miễn dịch DXI 800	01	Sinh Hóa

29	Máy Xét nghiệm Miễn dịch Vidas	01	Sinh Hóa
30	Máy Xét nghiệm Miễn dịch Cobas 6000 (e601)	01	Sinh Hóa
31	Máy HbA1c Premier HB9210	01	Sinh Hóa
32	Máy xét nghiệm nước tiểu Ichem Velocity	01	Sinh Hóa
33	Máy xét nghiệm nước tiểu LabUreader	01	Sinh Hóa
34	Hệ thống Biometra gồm: - Máy PCR gradien, - Máy chụp ảnh Gen BDA, - Bộ điện di: + nguồn P251903311 + bể Horizon 00259771. + khay gel castinh 11068-046	01	Xét nghiệm Sinh học phân tử
35	Hệ thống máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động cobas 4800 - Máy tách chiết tự động X480 (SN 411D) - Máy Realtime PCR cobas Z (SN 54386)	01	Xét nghiệm Sinh học phân tử
36	Hệ thống PCR tự động Qiacube connect - Máy tách chiết Nucleic - Hệ thống Realtime PCR	01	Xét nghiệm Sinh học phân tử
37	Hệ thống realtime PCR (máy đọc)- CFX 96	03	Xét nghiệm Sinh học phân tử
38	Máy tự động Seegene (stalet+ Nibus)	02	Xét nghiệm Sinh học phân tử
39	Máy tách tự động INT	01	Xét nghiệm Sinh học phân tử

40	Máy tách tự động Insta	01	Xét nghiệm Sinh học phân tử
41	Máy tách tự động Seepret	02	Xét nghiệm Sinh học phân tử
42	Cân phân tích điện	01	Xét nghiệm Sinh học phân tử
43	Bộ điện di	01	Xét nghiệm Sinh học phân tử
44	Lò vi sóng	01	Xét nghiệm Sinh học phân tử
45	Máy lọc nước đến 0,2micron	01	Xét nghiệm Sinh học phân tử
46	Máy cất nước 2 lần	02	Xét nghiệm Sinh học phân tử
47	Dụng cụ hút pipet điện FastpetV2	03	Xét nghiệm Sinh học phân tử
48	Máy ly tâm mini	06	Xét nghiệm Sinh học phân tử
49	Thiết bị đốt nóng mẫu (Block nhiệt)	02	Xét nghiệm Sinh học phân tử
50	Pipette tự động các thể tích khác nhau	04	Xét nghiệm Sinh học phân tử
51	Máy spindow	04	Xét nghiệm Sinh học phân tử
52	Máy cắt tiêu bản quay tay Microtom	01	Giải phẫu bệnh
53	Máy cắt tiêu bản quay tay Leica	01	Giải phẫu bệnh
54	Máy cắt lạnh	01	Giải phẫu bệnh
55	Máy đúc bệnh phẩm Arcadia	01	Giải phẫu bệnh

56	Máy xử lý mô quay tròn TP1020	01	Giải phẫu bệnh
57	Tủ âm	01	Giải phẫu bệnh
58	Lò vi sóng	01	Giải phẫu bệnh
59	Máy ly tâm	01	Giải phẫu bệnh
60	Máy khuấy từ	01	Giải phẫu bệnh
61	Bể ổn nhiệt	01	Giải phẫu bệnh
62	Cân phân tích	01	Giải phẫu bệnh
63	Máy đo PH	01	Giải phẫu bệnh
64	Kính hiển vi sinh học đầu quan sát 3 cực BX51 TRF	01	Giải phẫu bệnh
65	Kính hiển vi huỳnh quang DM 1000	01	Giải phẫu bệnh
66	Kính hiển vi kèm camera CCTV DM 1000	01	Giải phẫu bệnh
67	Hệ thống bể nhuộm HE	01	Giải phẫu bệnh
68	Hệ thống bể nhuộm hoá mô miễn dịch	01	Giải phẫu bệnh
69	Máy li tâm KUBOTA 2420	01	Vi sinh
70	Máy li tâm NF 800	01	Vi sinh
71	Máy li tâm Univesal 320	01	Vi sinh

72	Tủ an toàn sinh học BIO II A	01	Vi sinh
73	Tủ an toàn sinh học BIO II Advance 4	01	Vi sinh
74	Máy cất nước mini MELADEST 65	01	Vi sinh
75	Kính hiển vi huỳnh quang	01	Vi sinh
76	Kính hiển vi quang học	07	Vi sinh
77	Máy hấp BK75	01	Vi sinh
78	Máy hấp tiệt trùng ALP KT-40L	01	Vi sinh
79	Máy sấy HS 401A	01	Vi sinh
80	Tủ sấy Nahita 632/13	01	Vi sinh
81	Tủ bảo quản sinh phẩm SANYO 340L MPR 311D	01	Vi sinh
82	Tủ lạnh Daewoo	01	Vi sinh
83	Tủ lạnh âm sâu<20 độ Darling DF 1970	01	Vi sinh
84	Tủ lạnh Towashi	01	Vi sinh
85	Tủ cấy sinh học VLF12R	01	Vi sinh
86	Tủ cấy sinh học VLF12R	01	Vi sinh
87	Tủ lạnh sâu Brunswick U410-86	01	Vi sinh

88	Tủ lạnh Electrolux	01	Vi sinh
89	Bể điều nhiệt 4 ngăn Nahita 601/12	01	Vi sinh
90	Ổn áp Lioa NL-5000NM	01	Vi sinh
91	Lò vi sóng	01	Vi sinh
92	Cân kỹ thuật 0,1g CPA5201	01	Vi sinh
93	Bộ pipet man	03	Vi sinh
94	Máy lắc SERODIA PMX-01	01	Vi sinh
95	Máy lắc Innova 2000	01	Vi sinh
96	Máy lắc Vortex Stuart	01	Vi sinh
97	Máy lắc Vortex Stuart	01	Vi sinh
98	Tủ ấm Tiệp BT 120	01	Vi sinh
99	Tủ ấm Memmert 100-800	01	Vi sinh
100	Tủ ấm Nahita 636/6	01	Vi sinh
101	Tủ ấm CO2 GALAXY 170S	01	Vi sinh
102	Máy cấy máu tự động BacT/Alert 3D	01	Vi sinh
103	Máy định danh và kháng sinh đồ tự động Vitek 2 Compact	01	Vi sinh

104	Máy PCR Gene Expert	01	Vi sinh
105	Hệ thống xét nghiệm sinh hóa miễn dịch: - Máy xét nghiệm sinh hóa ATELLICA CH 930 - Máy xét nghiệm miễn dịch ATELLICA IM 1300 - Bộ xử lý mẫu ATELLICA Sample handler	01	Xét nghiệm đa khoa
106	Hệ thống tự động sinh hóa - miễn dịch bao gồm: - Máy xét nghiệm sinh hóa (tích hợp khối điện giải) DXC 700AU - Máy phân tích miễn dịch UniCel DxI 800	01	Xét nghiệm đa khoa
107	Máy XN sinh hóa tự động ADVIA 1800	02	Xét nghiệm đa khoa
108	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động AU480	01	Xét nghiệm đa khoa
109	Máy XN miễn dịch tự động CENTAUR XP	01	Xét nghiệm đa khoa
110	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động Cobas 8000	01	Xét nghiệm đa khoa
111	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động LIAISON XL	01	Xét nghiệm đa khoa
112	Máy xét nghiệm miễn dịch Access 2	01	Xét nghiệm đa khoa
113	Máy XN nước tiểu COMBI SCAN 500	01	Xét nghiệm đa khoa
114	Máy xét nghiệm nước tiểu 11 thông số, tự động hoàn toàn URILYZER AUTO	01	Xét nghiệm đa khoa
115	Máy xét nghiệm nước tiểu 11 thông số LabUreader Plus 2	01	Xét nghiệm đa khoa
116	Máy xét nghiệm nước tiểu tự động LabUmart 2	01	Xét nghiệm đa khoa

117	Máy đo HbA1C D10	02	Xét nghiệm đa khoa
118	Máy xét nghiệm xác định HbA1C: Premier Hb9210 HbA1C Analyzer	01	Xét nghiệm đa khoa
119	Máy ly tâm	01	Xét nghiệm đa khoa

Phụ lục 3

**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
SAU ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH TẠI MŨI HỌNG**

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Ghi chú
1	Tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu Uptodate	1		1 tài khoản có thể dùng trên 1 máy tính và 2 thiết bị di động cùng lúc
2	Tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu BJM Practice	1		1 tài khoản có thể sử dụng được trên nhiều thiết bị di động cùng lúc
3	Hệ thống nội soi khám Tai mũi họng	Hệ thống	4	
4	Hệ thống nội soi phẫu thuật	Hệ thống	1	
5	Bàn mổ	Chiếc	1	
6	Dao mổ điện	Chiếc	1	
7	Đèn cực tím treo tường	Chiếc	1	
8	Đèn đọc phim	Chiếc	3	
9	Ghế khám Tai mũi họng	Chiếc	4	
10	Máy hút dịch	Chiếc	4	
11	Máy làm giàu oxy	Chiếc	1	
12	Máy sấy	Chiếc	1	
13	Bộ dụng cụ khám Tai mũi họng	Chiếc	1	
14	Tủ bảo quản	Chiếc	1	

Phụ lục 3
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
SAU ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH Y HỌC DỰ PHÒNG

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Ghi chú
1	Tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu Uptodate	Tài khoản		1 tài khoản có thể dùng trên 1 máy tính và 2 thiết bị di động cùng lúc
2	Tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu BJM Practice	Tài khoản		1 tài khoản có thể sử dụng được trên nhiều thiết bị di động cùng lúc
3	Monitor theo dõi bệnh nhân	Chiếc	3	
4	Máy điện tim	Chiếc	1	
5	Máy đo độ đàn hồi gan	Chiếc	1	
6	Máy sấy	Chiếc	1	
7	Máy sấy tay	Chiếc	2	
8	Máy nén khí	Chiếc	1	
9	Máy khí dung	Chiếc	3	
10	Máy hút dịch	Chiếc	4	
11	Đèn đọc phim	Chiếc	2	
12	Đèn đặt nội khí quản	Chiếc	6	
13	Đèn cực tím di động	Chiếc	3	
14	Bình chứa oxy	Chiếc	1	
15	Thiết bị tạo áp lực âm	Chiếc	2	
16	Máy đo SPO2	Chiếc	3	
17	Máy khí máu	Chiếc	1	
18	Máy tạo oxy	Chiếc	18	

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05 /2022/HĐTH-BVHNVT

Hải Phòng, ngày 16 tháng 5 năm 2022

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Bản công bố số 830/BVVT-TTĐTCĐT ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp công bố cơ sở KCB đáp ứng yêu cầu là cơ sở đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Bản công bố số 2313/BVVT-TTĐTCĐT ngày 05 tháng 05 năm 2022 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp công bố cơ sở Khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Hôm nay, ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, chúng tôi gồm:

BÊN A: BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP

Địa chỉ: Số 1 đường Nhà Thương, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0225 3 700 436

Đại diện là: Ông Lê Minh Quang

Chức vụ: Giám đốc Bệnh viện

BÊN B: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 72A Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3731907; Fax: 0225.3733315

Đại diện là: Ông Nguyễn Văn Khải

Chức vụ: Hiệu trưởng

Thỏa thuận ký kết hợp đồng đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:



Điều 1: Điều khoản chung

1. Đối tượng thực hành:

- 1.1. Nghiên cứu sinh: Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi khoa, Y tế công cộng
- 1.2. Thạc sĩ: Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi Khoa, Y tế công cộng, Xét nghiệm Y học, Y học biển, Dược lý & Dược lâm sàng, Điều dưỡng, Y học dự phòng.
- 1.3. Chuyên khoa cấp II: Nội hô hấp, Nội tim mạch, Nội chung, Sản phụ khoa, Nhi chung, Nhi-thận tiết niệu, Nhi Hô hấp, Ngoại chung, Ngoại chấn thương chỉnh hình, Ngoại tiêu hoá, Răng Hàm Mặt, Tâm thần, Tai Mũi Họng, Y học cổ truyền.
- 1.4. Chuyên khoa cấp I: Nội khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Mắt, Tai Mũi Họng, Hoá sinh, Răng Hàm Mặt, Chẩn đoán hình ảnh, Lao, Y học cổ truyền, Y học gia đình, Y tế công cộng, Ung thư, Tâm thần, Xét nghiệm Y học, Gây mê hồi sức, Điều dưỡng, Dược lý & Dược lâm sàng, Y học dự phòng.
- 1.5. Bác sĩ nội trú: Nội khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Răng Hàm Mặt.

2. Số lượng người thực hành (dự kiến): theo phụ lục hợp đồng hàng năm

3. Người hướng dẫn thực hành:

- a) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở thực hành: Số lượng theo thực tế sinh viên đi thực tập; Danh sách kèm theo từng đợt thực tập cụ thể (nếu cần)
- b) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở giáo dục: Số lượng theo thực tế sinh viên đi thực tập; Danh sách kèm theo từng đợt thực tập cụ thể (nếu cần)

4. Nội dung chuyên môn thực hành: các học phần thực hành theo chương trình đào tạo

5. Thời gian thực hành: 5 năm kể từ ngày ký;

6. Địa điểm thực hành: Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp

7. Chi phí thực hành: theo thoả thuận

8. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành: 05 năm

9. Chương trình thực hành chi tiết đã được phê duyệt (kèm theo)

10. Tên cơ sở thực hành đáp ứng khoản 2, Điều 10: Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.

Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành (nếu có)

1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt (nếu có)

2. Thời hạn thanh toán: theo thoả thuận (nếu có)

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Bên A có quyền:

- a) Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.
- b) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
 - a) Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên B.
 - b) Các quyền khác (nếu có)

2. Bên A có nghĩa vụ:

- a) Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
- b) Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.
- c) Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.
- d) Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).
- đ) Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định,
- e) Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.
- g) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

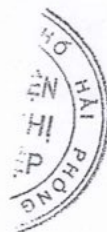
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

Bên B có quyền:

- a) Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.
- b) Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.
- c) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).
- d) Các quyền khác (nếu có).

Bên B có nghĩa vụ:

- a) Cung cấp cho Bên A thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tín chỉ.



- b) Chi trả chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với Bên A.
- c) Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.
- d) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thực hành và các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.
2. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Toà án để giải quyết.
3. Hợp đồng này làm thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ (02) hai bản./.



Lê Minh Quang

SAO LỤC

HẢI PHÒNG, NGÀY 15/1/2022

TL. HIỆU TRƯỞNG



TRƯỞNG PHÒNG HCTH

ThS. Nguyễn Thị Anh Tuyết



Nguyễn Văn Khải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH
Số : 806 /HĐNT-TTKSBTHP

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Hôm nay, ngày 14 tháng 1 năm 2022, tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hải Phòng, chúng tôi gồm:

BÊN A: TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 21 Lê Đại Hành, Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: 02253.603.686

Đại diện là: Ông Nguyễn Quang Chính

Chức vụ: Giám đốc Trung tâm

BÊN B: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 72A Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3731907; Fax: 0225.3733315

Đại diện là: Ông Nguyễn Văn Khải

Chức vụ: Hiệu trưởng

Thỏa thuận ký kết hợp đồng đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:

Điều 1: Điều khoản chung

1. Đối tượng thực hành:

- Nghiên cứu sinh: Y tế công cộng.
- Thạc sĩ: Y tế công cộng, Y học dự phòng
- Chuyên khoa cấp II: Quản lý Y tế
- Chuyên khoa cấp I: Y tế công cộng, Y học dự phòng
- Bác sĩ: Y học dự phòng

2. Số lượng người thực hành (dự kiến): theo phụ lục hợp đồng hàng năm

3. Người hướng dẫn thực hành:

- Số lượng người hướng dẫn thực hành của cơ sở thực hành phụ thuộc số lượng theo thực tế học viên/sinh viên đi thực tập; Danh sách kèm theo từng đợt thực tập cụ thể (nếu cần)

4. Nội dung chuyên môn thực hành: các học phần thực hành theo chương trình đào tạo

5. Thời gian thực hành: Từ ngày 01 tháng 1 năm 2022 đến ngày 01 tháng 1 năm 2026;

6. Địa điểm thực hành: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hải Phòng

7. Chi phí thực hành: Theo thỏa thuận

8. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành: 05 năm

9. Chương trình thực hành chi tiết đã được phê duyệt (*kèm theo*)

10. Tên cơ sở thực hành đáp ứng khoản 2, Điều 10 (Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017): Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hải Phòng

Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành (nếu có)

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt (nếu có)

- Thời hạn thanh toán: theo thỏa thuận (nếu có)

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Bên A có quyền

- Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.

- Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng

- Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên B.

- Các quyền khác (nếu có)

2. Bên A có nghĩa vụ

- Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

- Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.

- Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.

- Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).

- Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định.

- Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.

- Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Bên B có quyền

- Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

- Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành

tại cơ sở thực hành.

- Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).
- Các quyền khác (nếu có).

2. Bên B có nghĩa vụ:

- Cung cấp cho Bên A thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tín chỉ.
- Chi trả chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với Bên A.
- Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.
- Các nghĩa vụ khác (nếu có)

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thực hành và các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.
- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.
- Hợp đồng này làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai bản./.

BÊN A
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH
TẬT HẢI PHÒNG



GIÁM ĐỐC
TS.BS. Nguyễn Quang Chính

BÊN B
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải



kg. K. YTCC

**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 629/ YDHP-TCCB
V/v cử giảng viên, nhân viên làm việc
tại bệnh viện thực hành

Hải Phòng, ngày 31 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Ban Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.

Triển khai kế hoạch năm học 2024 – 2025, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng cử các giảng viên, nhân viên có tên dưới đây tham gia giảng dạy, quản lý sinh viên và làm công tác chuyên môn khám chữa bệnh (ngoài thời gian giảng dạy) tại các khoa của Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp kể từ ngày 01/08/2024 đến hết ngày 31/07/2025 (có danh sách kèm theo).

Kính đề nghị Ban Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp bố trí, tạo điều kiện cho các giảng viên, nhân viên có tên trên được tham gia làm việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Danh sách cử giảng viên, nhân viên làm việc tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp
(Kèm theo công văn số 29/YDHP-TCCB ngày 31/ 7/2024 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị quản lý	Ghi chú
1	Bùi Hoàng Tú	Trưởng Bộ môn	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Y	
2	Nguyễn Văn Long	Giảng viên	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Y	
3	Phan Xuân Cường	Giảng viên	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Y	
4	Vương Đức Nam	Giảng viên	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Y	
5	Nguyễn Hồng Phúc	Trợ giảng	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Y	
6	Phạm Thị Thu Huyền	Trợ giảng	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Y	
7	Nguyễn Thành Công	Kỹ thuật viên	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Y	
8	Nguyễn Thị Thanh Thanh Huyền	Giảng viên	Bộ Da Liễu, Khoa Y	
9	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó trưởng Bộ môn	Bộ môn Hóa sinh, Khoa Y	
10	Nguyễn Thị Mùi	Kỹ thuật viên	Bộ môn Ký sinh trùng, Khoa Y	
11	Đỗ Thị Huyền	Trợ giảng	Bộ môn Mắt, Khoa Y	
12	Lê Thị Thu Hà	Trợ giảng	Bộ môn Mắt, Khoa Y	
13	Trần Thị Lan Anh	Trợ giảng	Bộ môn Mắt, Khoa Y	
14	Phạm Văn Thương	Phó trưởng Khoa	Khoa Y	
15	Nguyễn Ngọc Hùng	Phó trưởng Bộ môn	Bộ môn Ngoại - PTTH, Khoa Y	
16	Phạm Văn Duyệt	Giảng viên cao cấp	Bộ môn Ngoại - PTTH, Khoa Y	
17	Trịnh Đình Thanh	Giảng viên	Bộ môn Ngoại - PTTH, Khoa Y	
18	Bùi Văn Dương	Giảng viên	Bộ môn Ngoại - PTTH, Khoa Y	
19	Hoàng Anh Công	Giảng viên	Bộ môn Ngoại - PTTH, Khoa Y	
20	Vũ Đình Nam	Trợ giảng	Bộ môn Ngoại - PTTH, Khoa Y	
21	Bùi Phương Nam	Trợ giảng	Bộ môn Ngoại - PTTH, Khoa Y	
22	Nguyễn Thị Bắc	Kỹ thuật viên	Bộ môn Ngoại - PTTH, Khoa Y	
23	Vũ Mạnh Tân	Phó trưởng Khoa	Khoa Y	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị quản lý	Ghi chú
24	Kê Thị Lan Anh	Phó trưởng bộ môn	Bộ môn Nội, Khoa Y	
25	Vũ Thị Thu Trang	Phó trưởng bộ môn	Bộ môn Nội, Khoa Y	
26	Đoàn Thị Út	Giảng viên	Bộ môn Nội, Khoa Y	
27	Trịnh Hồng Nhung	Giảng viên	Bộ môn Nội, Khoa Y	
28	Đỗ Thị Thanh Loan	Giảng viên	Bộ môn Nội, Khoa Y	
29	Lê Thị Quyên	Giảng viên	Bộ môn Nội, Khoa Y	
30	Đinh Thị Kim Anh	Trợ giảng	Bộ môn Nội, Khoa Y	
31	Hoàng Thị Trang	Trợ giảng	Bộ môn Nội, Khoa Y	
32	Lê Thị Hải	Trợ giảng	Bộ môn Nội, Khoa Y	
33	Nguyễn Thị Phúc Hạnh	Kỹ thuật viên	Bộ môn Nội, Khoa Y	
34	Bùi Thị Bích Ngọc	Phó trưởng phụ trách Bộ môn	Bộ môn Phục hồi chức năng, Khoa Y	
35	Nguyễn Thị Thanh Nga	Giảng viên	Bộ môn Phục hồi chức năng, Khoa Y	
36	Lâm Ngọc Trâm	Trợ giảng	Bộ môn Phục hồi chức năng, Khoa Y	
37	Nguyễn Hải Ninh	Trợ giảng	Bộ môn Phục hồi chức năng, Khoa Y	
38	Trần Thị Liên	Trưởng Bộ môn	Bộ môn Truyền nhiễm Khoa Y	
39	Hoàng Thị Thía	Giảng viên	Bộ môn Truyền nhiễm Khoa Y	
40	Ngô Văn Dũng	Trưởng Bộ môn	Bộ môn Thần kinh, Khoa Y	
41	Vũ Thị Phương Thảo	Trợ giảng	Bộ môn Thần kinh Khoa Y	
42	Nguyễn Đức Hưng	Phó trưởng Bộ môn	Bộ môn U bướu Khoa Y	
43	Nguyễn Hồng Hà	Giảng viên	Bộ môn U bướu, Khoa Y	
44	Nguyễn Thị Phương Thảo	Giảng viên	Bộ môn U bướu, Khoa Y	
45	Nguyễn Thị Thu Hương	Phó trưởng khoa	Khoa Điều dưỡng	
46	Phạm Thị Tuyết	Phó Trưởng Bộ môn Điều dưỡng người lớn	Khoa Điều dưỡng	
47	Phạm Thị Thu Hương	Phụ trách Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	Khoa Điều dưỡng	
48	Vũ Thị Cẩm Doanh	Giảng viên	Khoa Điều dưỡng	
49	Lương Thị Thu Giang	Giảng viên	Khoa Điều dưỡng	
50	Đoàn Thị Thu Thảo	Trợ giảng	Khoa Điều dưỡng	
51	Mạc Thị Tịnh	Giảng viên	Khoa Kỹ thuật y học	
52	Vũ Thị Nữ	Giảng viên	Khoa Kỹ thuật y học	
53	Nguyễn Thị Trinh	Giảng viên	Khoa Kỹ thuật y học	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị quản lý	Ghi chú
54	Nguyễn Anh Ngọc	Giảng viên	Khoa Kỹ thuật y học	
55	Mạc Nguyễn Quỳnh Trâm	Giảng viên	Khoa Kỹ thuật y học	
56	Nguyễn Thị Thúy Phương	Giảng viên	Khoa Kỹ thuật y học	
57	Nguyễn Trường Thịnh	Trợ giảng	Khoa Răng Hàm Mặt	
58	Phạm Anh Minh	Trợ giảng	Khoa Răng Hàm Mặt	
59	Nguyễn Thị Thúy	Phó Trưởng khoa	Khoa Y học cổ truyền	
60	Nguyễn Văn Hoàn	Giảng viên	Bộ môn Truyền nhiễm, Khoa Y	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Cơ sở 2
61	Lê Thị Hòa	Trợ giảng	Bộ môn Truyền nhiễm, Khoa Y	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Cơ sở 2
62	Bạch Thị Như Quỳnh	Giám đốc	Labo Trung tâm	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Cơ sở 2
63	Nguyễn Thanh Bình	Giảng viên	Khoa Y tế công cộng	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Cơ sở 2
64	Vũ Thị Trang Linh	Kỹ thuật viên	Labo Trung tâm	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Cơ sở 2
65	Trần Thị Thủy	Giảng viên	Bộ môn Sinh học & Di truyền	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Cơ sở 2

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải